

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH O – TP HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Tiến Dũng**

-Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Lê Huy Trọng**

Bà **Nguyễn Thị Nguyệt**

-**Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** bà **Phạm Anh Bích**, Thư ký Tòa án

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh O:* Bà **Nguyễn Thị Hạnh**– KSV
Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh O- Tp Hà Nội.

Ngày 23 tháng 11 năm 2022 tại: Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh O - TP Hà Nội; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 187/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022 về: “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXX-ST ngày 10 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thùy T** -sinh năm 1986

ĐKKHKT: Thôn Tử L, xã Phú NA, huyện Chương M, TP Hà Nội

Nơi ở hiện tại: số 5, đường Minh K, phường Phổ M, thành phố Lào C, tỉnh Lào C.

- *Người đại diện theo ủy quyền của chị T:* Bà **Trần Thị Vân A**, sinh năm 1997; *địa chỉ:* số 60, phố Thái H, phường Trung L, quận Đống Đ, Thành phố Hà Nội.

-*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T:* Bà **Phạm Thị Ngọc Oanh** – Luật sư Công ty TNHH Trí Hùng và Cộng sự thuộc đoàn luật sư Thành phố Hà Nội.

- **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Quốc C**- sinh năm 1984

ĐKKHKT: Thôn Tử L, xã Phú NA, huyện Chương M, TP Hà Nội

Nơi ở hiện tại: Căn hộ 1118, Tòa B2.1-HH02B, khu đô thị Thanh H, đường Cienco 5, xã Cự K, huyện Thanh O, TP Hà Nội.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ngân hàng Liên doanh Việt Nga (VRB). Địa chỉ: số 75, Trần Hưng Đ, phường Trần Hưng Đ, quận Hoàn K, TP Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Vũ Đức T1**- Trưởng phòng khách hàng cá nhân.

(*Tại phiên tòa: chị T, anh C, ông T1, bà Oanh, chị Vân A có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và lời khai tiếp theo của chị Nguyễn Thùy T trình bày như sau: Chị Nguyễn Thùy T và anh Nguyễn Quốc C kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú NA, huyện Chương M, thành phố Hà Nội ngày 01/3/2010.

Sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống trong miền nam, sau đó chuyển ra sinh sống cùng bố mẹ chồng một thời gian và đến năm 2021 thì mua căn hộ 1118, tầng 11, tòa B2.1-HH02B khu đô thị Thanh H, xã Cự K, huyện Thanh O, Thành phố Hà Nội và sinh sống tại đó.

Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do quan điểm sống không hợp nhau, không chia sẻ được với nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng kéo dài, không thể cải thiện được, đến nay tình cảm không còn, chị T đề nghị Tòa án cho chị ly hôn anh C.

- *Về con chung:* có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 18/4/2011, hiện đang ở với chị T. Khi ly hôn chị T đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh C phải trợ cấp nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Vợ chồng có 01 căn hộ chung là chung cư P1118, tầng 11, tòa HH02B, khu đô thị Thanh H, xã Cự K, huyện Thanh O, TP Hà Nội, căn hộ mua năm 2021, mua của anh Nguyễn Văn Trọng (có hợp đồng chuyển nhượng), giá mua là 1.014.385.200 đồng.

Nguồn tiền mua:

+ Vợ chồng vay của ngân hàng Liên doanh Việt Nga -Chi nhánh sở giao dịch, số tiền 690.000.000đồng. Vay vào ngày 31/5/2021. Hiện còn nợ ngân hàng khoảng 660.000.000 đồng.

+ Tiền tiết kiệm của chị T do tích lũy được. Từ khi lấy chồng, chị T làm kế toán ngoài cho hai công ty, có khi còn làm theo thời vụ hoặc có công ty nào nhờ thì chị T làm, đến năm 2020 và 2021 thu nhập của chị T khoảng 50-60.000.000 đồng/01 tháng.

- *Công nợ chung:* Vợ chồng hiện tại còn nợ ngân hàng Liên doanh Việt Nga-chi nhánh sở giao dịch số tiền khoảng 660.000.000 đồng. Ngoài ra không còn nợ ai.

Khi ly hôn chị T xin được tiếp tục sử dụng căn hộ và đề nghị được thanh toán phần giá trị chênh lệch của tài sản và chịu trách nhiệm trả nợ toàn bộ số tiền nợ cho Ngân hàng. Chị T sẽ thanh toán phần giá trị chênh lệch của căn hộ cho anh C số tiền là 120.000.000 đồng.

Bị đơn: Anh C trình bày: Anh và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú NA, huyện Chương M, TP Hà Nội. Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm hay xảy ra cãi lộn, không hòa hợp. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với chị T.

- *Về con chung:* Anh, và chị T có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 18/4/2011, hiện đang ở cùng chị T. Anh C là người chăm con từ khi còn nhỏ cho đến thời điểm con được 11 tuổi. Khi chị T về đón con đi, anh C không biết, sau

khi đón con đi chị T mới nhắn tin cho anh C. Hiện con ở đâu anh C không biết, không được thăm nom con.

Năm 2020 vợ chồng cũng viết đơn ly hôn nhưng chưa gửi đến tòa. Hai vợ chồng thống nhất là anh C nuôi con. Sau đó anh và con về Bắc để ở, còn chị T vẫn ở Miền nam (hai vợ chồng vào miền nam làm ăn từ năm 2009). Nhưng sau đó, do nghĩ con cần có cả bố và mẹ nuôi dưỡng nên vợ chồng lại về đoàn tụ.

Hiện nay anh đang làm môi giới bất động sản cho Văn phòng bất động sản Đức Tín, địa chỉ: B21 đường Bờ H, khu đô thị Thanh H, xã Cự K, huyện Thanh O, TP Hà Nội. Thu nhập bình quân khoảng 10.000.000 đồng/1 tháng, trả bằng tiền mặt.

- *Về tài sản chung*: vợ, chồng có 01 căn hộ chung cư P1118, tầng 11, tòa HH02B, khu đô thị Thanh H, xã Cự K, huyện Thanh O, TP Hà Nội, mua năm 2021 trong thời kỳ hôn nhân. Mua của anh Nguyễn Văn T (có hợp đồng chuyển nhượng), mua giá 1.590.000.000 đồng.

Nguồn tiền mua: + Do hai vợ chồng tích góp được. Tất cả tiền thu nhập của anh làm ra chị T đều quản lý. Nếu chị T đồng ý cho anh nuôi con thì anh sẵn sàng cho chị T hết tài sản.

+ Vợ chồng vay của ngân hàng liên doanh Việt Nga – Chi nhánh sở giao dịch. Số tiền 690.000.000 đồng. Vay vào ngày 31/5/2021 để dùng vào việc mua nhà.

- Về công nợ chung: Anh đồng ý nhận số tiền 120.000.000 đồng. Còn chị T có trách nhiệm trả nợ ngân hàng và nhận căn chung cư P1118, tòa B2.1 KĐT Thanh H, xã Cự K.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Liên doanh Việt Nga (VRB)- ông Vũ Đức Thuận trình bày*: Chị T, anh C có thể chấp căn hộ P118, Tòa B2.1 đường 25, khu đô thị Thanh H, xã Cự K, huyện Thanh O, TP Hà Nội để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng.

Tính đến ngày 19.8.2022, anh C, chị T còn nợ số tiền gốc là 649.750.000 đồng và nợ lãi là 4.050.308 đồng. Ngân hàng đề nghị nếu anh C, chị T ly hôn thì có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trên cho Ngân hàng trước khi giải quyết ly hôn.

- *Tại bản tự khai của Cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 18/4/2011 (con chung của chị T, anh C) trình bày*: cháu không muốn bố mẹ ly hôn, nếu bố mẹ phải ly hôn cháu Nhật xin được ở với mẹ vì cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ và hiện nay hai mẹ con đang ở với nhau.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Về trình tự tố tụng của vụ án đảm bảo đúng quy định. Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự tố tụng; Nguyên đơn, bị đơn người liên quan tham gia phiên tòa chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xử: Căn cứ các Điều 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thùy T và anh Nguyễn Quốc C.

- *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 18/4/2011 cho chị Nguyễn Thùy T tiếp tục nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh C. Anh C có quyền thăm hỏi con chung, không ai có quyền ngăn cản.

- *Về tài sản chung, công nợ chung*: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị T và anh C về tài sản chung, công nợ chung. Chị T thanh toán cho anh C số tiền 120.000.000 đồng và chị T có trách nhiệm trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng liên doanh Việt Nga và được nhận căn hộ phòng 1118, tòa B2.1, khu đô thị Thanh H, xã Cự K, huyện Thanh O.

- *Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền*: Đồng quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử công nhận việc thuận tình ly hôn giữa Chị Nguyễn Thùy T và anh Nguyễn Quốc C. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Giao cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 18/4/2011 cho chị T tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành. Căn cứ khoản 1, Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 điều 56, khoản 1 Điều 59, điều 81, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

1. *Về tố tụng*: Ngày 16/5/2022, TAND quận Hà Đ thụ lý vụ án theo thông báo thụ lý số 334/2022/TLST-HNGĐ.

- Ngày 14/10/2022, TAND quận Hà Đ ra QĐ chuyển hồ sơ vụ án số 777/2022/QĐ-HNGĐ đến Tòa án nhân dân huyện Thanh O. (lý do tại thời điểm thụ lý vụ án, người khởi kiện chị T giao nộp các tài liệu thể hiện bị đơn anh C đang ở căn hộ 1118, tòa B2.1-HH02B, khu đô thị Thanh H, phường Phú Lương, quận Hà Đ, TP Hà Nội. Sau khi thụ lý vụ án, anh C khai chỗ ở tại căn hộ 1118, tòa B2.1-HH02B, khu đô thị Thanh H, xã Cự K, huyện Thanh O). Theo kết quả xác minh của Tòa án thì được Công an xã Cự K cung cấp: căn hộ trên thuộc địa bàn quản lý của xã Cự K và anh C đang sinh sống ở địa chỉ trên. Do đó Tòa án nhân dân huyện Thanh O, TP Hà Nội giải quyết việc xin ly hôn của anh theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh O, TP Hà Nội. Tòa án đã tiến hành các trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay chị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh Nguyễn Quốc C và xin được tiếp tục nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, công nợ chung*: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị T và anh C về tài sản chung, công nợ chung. Chị T thanh toán cho anh C số tiền 120.000.000 đồng và chị T có trách nhiệm trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng liên doanh Việt Nga và được nhận căn hộ phòng 1118, tòa B2.1, khu đô thị Thanh H, xã Cự K, huyện Thanh O.

2. *Về quan hôn nhân* : Chị T và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú NA, huyện Chương M, TP Hà Nội. Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm hay xảy ra cãi lộn, không hòa hợp. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Xét mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thùy T và anh Nguyễn Quốc C là đúng quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung: Cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 18/4/2011. Hiện tại chị T đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tại biên bản hòa giải và bản tự khai cũng như tại phiên tòa hôm nay chị T, anh C không thống nhất được việc nuôi con chung, đều có nguyện vọng được nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng việc nuôi con chung của chị T và anh C đều có nguyện vọng đủ điều kiện và phù hợp chính đáng trong việc nuôi con sau ly hôn. Nhưng để đảm bảo quyền lợi của con trẻ cần được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn. Để tránh sự sáo trộn trong cuộc sống sinh hoạt cũng như ăn học nên tiếp tục giao con cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho đến khi trưởng thành là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình là có căn cứ.

Về tài sản chung, công nợ chung và các yêu cầu khác: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thùy T và anh Nguyễn Quốc C về việc chị T thanh toán cho anh C số tiền 120.000.000 đồng và chị T có trách nhiệm trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng liên doanh Việt Nga và được nhận và sử dụng căn hộ phòng 118, tòa B2.1, khu đô thị Thanh H, xã Cự K, huyện Thanh O.

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Liên doanh Việt Nga (VRB). Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Vũ Đức T1**- Trưởng phòng khách hàng cá nhân có ý kiến: Tính đến ngày 19.8.2022, anh C, chị T còn nợ số tiền gốc là 649.750.000 đồng và nợ lãi là 4.050.308 đồng. Ngân hàng đề nghị nếu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn. Chị T mà quản lý sử dụng căn hộ phòng 1118, tòa B2.1, khu đô thị Thanh H, xã Cự K, huyện Thanh O. thì chị T có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trên cho Ngân hàng cả gốc và lãi như hợp đồng đã ký kết.

Án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Do các đương sự thỏa thuận và thống nhất được toàn bộ nội dung về tài sản chung, công nợ chung nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

-Áp dụng các Điều 54,55, 57, 58, 81,82, 83,84 Luật Hôn nhân gia đình;

Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa Chị **Nguyễn Thùy T** và anh **Nguyễn Quốc C**.

-Về con chung: Anh chị có 01 con chung: Nguyễn Minh N, sinh ngày 18/4/2011. Hiện tại đang ở với chị Nguyễn Thùy T.

Tiếp tục giao cháu Nguyễn Minh N cho chị T trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành hoặc cho đến khi có yêu cầu khác.

Anh C không phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cho chị T và có quyền đi lại thăm hỏi con chung không ai được ngăn cản.

Tài sản chung, tài sản khác, công nợ, công sức: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị T và anh C về công nợ chung và tài sản chung: Chị T tự nguyện thanh toán cho anh Nguyễn Quốc C số tiền: 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu). Chị Nguyễn Thùy T có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền cho Ngân hàng Liên doanh Việt Nga (VRB) tính đến ngày 19.8.2022 còn nợ số tiền gốc là 649.750.000 đồng (sáu trăm bốn mươi chín triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) và nợ lãi là 4.050.308đồng (bốn triệu không trăm năm mươi nghìn ba trăm linh tám đồng) và tiếp tục trả nợ theo thỏa thuận với Ngân hàng Liên doanh Việt Nga (VRB). Chị Nguyễn Thùy T được quyền quản lý, sử dụng căn hộ chung cư phòng 1118 Tòa B2.1HH02B khu đô thị Thanh H, xã Cự K, huyện Thanh O.

Án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án. Tại tiên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0010083 ngày 16 tháng 05 năm 2025 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông, TP Hà Nội. Chị Nguyễn Thùy T đã nộp số tiền 10.300.000đồng. Chị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Nguyễn Thùy T được hoàn lại số tiền 10.000.000đồng (mười triệu)

Án xử công khai sơ thẩm Nguyên đơn, bị đơn người liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án 23/11/2022

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Thanh O;
- UBND nơi cấp Giấy CNKH;
- Chi cục THADS huyện Thanh O ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Dũng